

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 14/9/2020  
V/v : Ly hôn; chia tài sản chung  
khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy  
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm.  
2. Bà Bạc Thị Kiên.

**- Th- ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 07 năm 2020 về việc: Ly hôn; chia tài sản chung khi ly hôn, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965.

\* Bị đơn: Ông Đoàn Văn D, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Đội 20, thôn Đ, xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. (Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23/07/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, bà Nguyễn Thị Đ (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Bà Đ và ông D có tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1985 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến khoảng tháng 4/2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau và thậm chí ông D còn đánh bà Đ chỉ vì lý do ông D hay đi đánh bóng chuyền hơi, về nhà hay có những hành vi thô bạo, đánh đập bà Đ. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 05/2019 cho đến nay. Bà Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp với nhau được nữa, nên đã viết đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông D.

2. Về con chung: Bà Đ và ông D có 04 con chung:

- Đoàn Văn C, sinh năm 1986 đã đi xây dựng gia đình.
- Đoàn Thị M, sinh năm 1987, đã đi xây dựng gia đình.
- Đoàn Văn M1, sinh năm 1993, đã ra ở riêng.
- Đoàn Văn C1, sinh năm 1999. Đã đủ tuổi thành niên.

Các cháu đều đã thành niên có cháu đã xây dựng gia đình, có cháu đã ra ở riêng, có cháu đã tự kiếm sống để nuôi bản thân. Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản: Bà Đ khai tài sản riêng: Không có.

Tài sản chung: Bà Đ ông D có 01 sổ tiết kiệm đang gửi tại Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp Bản phủ (AGRIBANK) có kỳ hạn; gửi vào ngày 02/3/2020; Ngày đến hạn rút vào ngày 02/3/2021, tên người gửi: Đoàn Văn D; Số tiền gửi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và 02 con bò cái, một con bò vàng nhạt, một con màu vàng thẫm, hiện nay ông D đang quản lý.

Nguyên vọng của bà Đ tài sản chung sẽ chia đôi: Sổ tiết kiệm chia đôi số tiền gửi mỗi người một nửa, bà Đ được chia 100.000.000 đồng, ông D được chia 100.000.000 đồng. Ngoài ra tiền lãi của số tiền gửi tiết kiệm 200.000.000 đồng tính từ ngày 02/3/2020 đến ngày được rút tiền 02/3/2021 là 12.000.000 đồng sẽ được chia đôi mỗi người một nửa, bà Đ được chia 6.000.000 đồng, ông D được chia 6.000.000 đồng. 02 con bò trị giá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) mỗi người một con.

- Nợ phải trả: Bà Đ và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai của bị đơn khai ngày 17/8/2020, biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Đàm Văn D (bị đơn) trình bày nh- sau:*

1. Về hôn nhân: Ông D và bà Đ về chung sống với nhau từ năm 1985 và không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, phần lớn thời gian còn lại thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn âm ỉ kéo dài, đỉnh điểm vào khoảng tháng 4/2019 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do bà Đ hay ghen tuông vô cớ, do ông D làm công tác phong trào, văn hóa, văn nghệ, ông D tham gia đội bóng chuyền, văn hóa, văn nghệ, thể thao, bà Đ ghen tuông chửi bới vô cớ khiến tình nghĩa vợ chồng không còn, bà Đ xin ly hôn ông D đồng ý ly hôn.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/8/2020 ông D có ý kiến mong bà Đ thay đổi suy nghĩ, khéo léo hơn trong cách đối nhân xử thế, bớt ghen tuông vô cớ thì vợ chồng mới ở với nhau được, cả hai ông bà cũng đã có cháu nội, cháu ngoại nên mong muốn bà Đ suy nghĩ lại để vợ chồng quay về đoàn tụ, chăm sóc nhau lúc tuổi già, và ông không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Bà Đ và ông D có 04 con chung:

- Đoàn Văn C, sinh năm 1986 đã đi xây dựng gia đình.
- Đoàn Thị M, sinh năm 1987, đã đi xây dựng gia đình.
- Đoàn Văn M1, sinh năm 1993, đã ra ở riêng.
- Đoàn Văn C1, sinh năm 1999. Đã đủ tuổi thành niên.

Các cháu đều đã thành niên có cháu đã xây dựng gia đình, có cháu đã ra ở riêng, các cháu đã tự kiếm sống để nuôi bản thân. Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản: Ông D khai tài sản riêng: Không có

- Tài sản chung: Đồng ý với ý kiến của bà Đ tài sản chung chia đôi: Sổ tiết kiệm mang tên ông Đoàn Văn D, ngày đến hạn rút tiền 02/3/2021 ông D phải có trách nhiệm rút khoản tiền này về chia đôi mỗi người một nửa, bà Đ được chia 100.000.000 đồng, ông D được chia 100.000.000 đồng tiền gửi. Ngoài ra tiền lãi suất của số tiền 200.000.000 đồng đến ngày được rút 02/3/2021 là 12.000.000 đồng, bà Đ được chia 6.000.000 đồng, ông D được chia 6.000.000 đồng.

02 con bò, một con vàng nhạ, một con vàng thẳ, trị giá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), hiện ông D đang quản lý. Bà Đ ông D thỏa thuận, ông D được nuôi hai con bò (01 vàng nhạ, một vàng thẳ). Ông D phải trả tiền chênh lệch con bò cho bà Đ là 20.000.000 đồng, số tiền này ông D phải có trách nhiệm trả cho bà Đ vào đúng ngày 02/3/2021, từ số tiền gửi tiết kiệm mà ông D được chia.

Tổng số tài sản ông D được chia là 126.000.000 đồng chẵn (một trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn).

Tổng số tiền bà Đ được chia là 126.000.000 đồng chẵn (một trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn).

- Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại biên bản xác minh ngày 18/8/2020, chính quyền địa phương xã Noong Luống huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:***

Bà Đ và ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cả hai đều đăng ký hộ khẩu tại Đội 20, thôn Đ, xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Trong quá trình chung sống bà Đ và ông D có xảy ra mâu thuẫn cãi cọ, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, không cùng chung tiếng nói, hai bên không thông cảm cho nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông bà sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay.

Bà Đ và ông D có 04 con chung là Đoàn Văn C, sinh năm 1986; Đoàn Thị M, sinh năm 1987; Đoàn Văn M1, sinh năm 1993; Đoàn Văn C1, sinh năm 1999 các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành, đã đi xây dựng gia đình.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền theo điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhận đơn khởi kiện, Chánh án phân công thẩm phán xem xét đơn, phân công thẩm phán, thư ký giải quyết vụ án theo Điều 47, 197 Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định mối quan hệ pháp luật, chấp hành đúng theo khoản 1 Điều 28; Điều 48, 191 Bộ Luật tố tụng dân sự; thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ, hợp pháp; thông báo cho đương sự và Viện kiểm sát đầy đủ các văn bản tố tụng; sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Ý kiến giải quyết vụ án:***

- *Về hôn nhân*: Căn cứ Điều 85, 87; 88; 89; và Điều 91, Điều 95 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Đoàn Văn D.

- *Về con chung*: Bà Đ và ông D có 04 con chung là Đoàn Văn C, sinh năm 1986; Đoàn Thị M, sinh năm 1987; Đoàn Văn M1, sinh năm 1993; Đoàn Văn C1, sinh năm 1999 các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành, đã đi xây dựng gia đình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- *Về quan hệ tài sản*: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Văn D đã thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận vào trong bản án cụ thể như sau:

+ Tài sản riêng: Không có;

+ Tài sản chung: Bà Đ và ông D có 01 sổ tiết kiệm gửi tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp Bản phủ (AGRIBANK) có kỳ hạn; số AC 00019824252, kỳ hạn 12 tháng (từ ngày 02/3/2020; Ngày đến hạn ngày 02/3/2021), tên người gửi: Đoàn Văn D; Số tiền gửi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi đến hạn rút là 12.000.000 đồng. 02 con bò cái (01 con bò vàng nhạt, 01 con màu vàng thẫm, hiện nay ông D đang quản lý).

Sổ tiết kiệm mang tên ông Đoàn Văn D, ngày đến hạn rút tiền 02/3/2021 ông D phải có trách nhiệm rút khoản tiền này về chia đôi mỗi người một nửa, bà Đ được chia 100.000.000 đồng, ông D được chia 100.000.000 đồng tiền gửi. Ngoài ra tiền lãi suất của số tiền 200.000.000 đồng đến ngày được rút 02/3/2021 là 12.000.000 đồng, bà Đ được chia 6.000.000 đồng, ông D được chia 6.000.000 đồng.

02 con bò, một con vàng nhạt, một con vàng thẫm, trị giá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), hiện ông D đang quản lý. Bà Đ ông D thỏa thuận, ông D được nuôi hai con bò (01 vàng nhạt, một vàng thẫm). Ông D phải trả tiền chênh lệch con bò cho bà Đ là 20.000.000 đồng, số tiền này ông D phải có trách nhiệm trả cho bà Đ vào đúng ngày 02/3/2021, từ số tiền gửi tiết kiệm mà ông D được chia.

**Bà Nguyễn Thị Đ được chia số tiền cụ thể như sau:** 100.000.000 đồng (tiền tiết kiệm) + 6.000.000 (tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng) + 20.000.000 đồng (tiền chênh lệch con bò bà Đ được chia) = **126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).**

**Ông Đoàn Văn D được chia số tiền cụ thể như sau:** 100.000.000 đồng (tiền gửi tiết kiệm) + 6.000.000 đồng (tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng) + 02 con bò (01 vàng nhạt, 01 vàng thẫm) trị giá 40.000.000 đồng = 146.000.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Ông D phải trả cho bà Đ số tiền 20.000.000 đồng tiền chênh lệch con bò do vậy số tiền ông D được chia là: 146.000.000 đồng – 20.000.000 đồng (tiền con bò bà Đ được chia) = **126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).**

+ Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà Đ đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003482 ngày 24/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Bà Đ phải chịu 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có

giá ngạch, ông D phải chịu 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:** Quan hệ tranh chấp về “Ly hôn; chia tài sản chung khi ly hôn” giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đoàn Văn D đã được Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Văn D chung sống với nhau từ năm 1985 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, việc chung sống do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có sự chứng kiến của hai bên gia đình.

Tại điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;*” Như vậy, trường hợp bà Đ và ông D sống chung như vợ chồng từ năm 1985 (trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực) là trường hợp đặc biệt. Việc sống chung của bà Đ và ông D tiếp tục và duy trì cho đến nay. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông D được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Đ và ông D chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông D làm công tác phong trào, văn hóa, văn nghệ của thôn, đội, bà Đ không đồng ý cho ông tham gia nhiều nên dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau kéo dài, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình nghĩa vợ chồng bị sút mẻ, rạn nứt, bà Đ xét thấy không thể tiếp tục sống với ông D được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tại bản tự khai ông D đồng ý ly hôn, nhưng tại phiên hòa giải ông D thay đổi ý kiến, mong muốn bà Đ thay đổi cách sống, khéo léo hơn trong đối nhân xử thế, để vợ chồng quay về đoàn tụ vì cả hai đều đã có tuổi. Tuy nhiên tại phiên Tòa bà Đ cương quyết xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy để xây dựng hạnh phúc gia đình phải từ cả hai phía, phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đặc biệt lúc ốm đau, vợ chồng phải có sự hòa hợp, đồng cảm, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống, việc bà Đ và ông D bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù ông D mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng căn cứ vào các lời khai cho thấy ông, bà đã sống ly thân được 01 năm 05 tháng nhưng trong thời gian ly thân cả hai ông bà không còn quan tâm, chăm sóc

tới nhau. Do vậy nguyện vọng xin ly hôn của bà Đ là phù hợp với qui định tại điều 85, 89, 91 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.2]. Về con chung:** Bà Đ và ông D đều khai và công nhận ông bà có 04 con chung là Đoàn Văn C, sinh năm 1986; Đoàn Thị M, sinh năm 1987; Đoàn Văn M1, sinh năm 1993; Đoàn Văn C1, sinh năm 1999 các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành, đã đi xây dựng gia đình. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

**[2.3]. Về tài sản:** Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ và ông D đã thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận vào trong bản án như sau:

Tài sản riêng: Không có;

Tài sản chung: Bà Đ và ông D có 01 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Điện Biên, phòng giao dịch Bản Phủ (AGRIBANK) có kỳ hạn; số AC 00019824252, kỳ hạn 12 tháng (từ ngày 02/3/2020; Ngày đến hạn ngày 02/3/2021), tên người gửi: Đoàn Văn D; Số tiền gửi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi đến hạn rút là 12.000.000 đồng. 02 con bò cái (01 con bò vàng nhạt, 01 con màu vàng thẫm, hiện nay ông D đang quản lý).

**Tài sản chung sẽ chia đôi cụ thể như sau:** Sổ tiết kiệm mang tên ông Đoàn Văn D, ngày đến hạn rút tiền 02/3/2021 ông D phải có trách nhiệm đi rút khoản tiền này về chia đôi mỗi người một nửa, bà Đ được chia 100.000.000 đồng, ông D được chia 100.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm. Ngoài ra tiền lãi suất của số tiền 200.000.000 đồng đến ngày được rút 02/3/2021 là 12.000.000 đồng, bà Đ được chia 6.000.000 đồng, ông D được chia 6.000.000 đồng.

02 con bò, một con vàng nhạt, một con vàng thẫm, trị giá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), hiện ông D đang quản lý. Bà Đ ông D thỏa thuận, ông D được nuôi hai con bò (01 vàng nhạt, một vàng thẫm). Ông D phải trả tiền chênh lệch con bò cho bà Đ là 20.000.000 đồng, số tiền này ông D phải có trách nhiệm trả cho bà Đ vào đúng ngày 02/3/2021, từ số tiền gửi tiết kiệm mà ông D được chia.

- **Tổng số tiền bà Đ được chia là:** 100.000.000 đồng (tiền tiết kiệm) + 6.000.000 (tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng) + 20.000.000 đồng (tiền chênh lệch con bò bà Đ được chia) = 126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

- **Tổng số tiền ông D được chia là:** 100.000.000 đồng (tiền gửi tiết kiệm) + 6.000.000 đồng (tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng) + 02 con bò (01 vàng nhạt, 01 vàng thẫm) trị giá 40.000.000 đồng = 146.000.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Ông D phải trả cho bà Đ số tiền 20.000.000 đồng tiền chênh lệch con bò do vậy số tiền ông D được chia là: 146.000.000 đồng – 20.000.000 đồng (tiền con bò bà Đ được chia) = 126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của bà Đ và ông D là phù hợp với quy định của pháp luật và cần được chấp nhận.

**[3]. Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm,

bà Đ đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003482 ngày 24/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Bà Đ phải chịu 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch là cụ thể là:  $(126.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.300.000 \text{ đồng} : 2 = 3.150.000 \text{ đồng})$ . Ông D phải chịu 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể là:  $(126.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.300.000 \text{ đồng} : 2 = 3.150.000 \text{ đồng})$ .

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 85, 87; 88; 89; và Điều 91, Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Đoàn Văn D.

**2. Về con chung:** Các con chung của bà Đ và ông D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về tài sản:** Bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Văn D đã thỏa thuận, thống nhất và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận vào trong bản án cụ thể như sau:

- Tài sản riêng: Không có;

- Tài sản chung: Bà Đ và ông D có 01 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Điện Biên, phòng giao dịch Bản Phủ (AGRIBANK) có kỳ hạn; số AC 00019824252, kỳ hạn 12 tháng (từ ngày 02/3/2020; Ngày đến hạn ngày 02/3/2021), tên người gửi: Đoàn Văn D; Số tiền gửi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi đến hạn rút là 12.000.000 đồng. 02 con bò cái (01 con bò vàng nhạt, 01 con màu vàng thẫm, hiện nay ông D đang quản lý). Sổ tiết kiệm mang tên ông Đoàn Văn D, ngày đến hạn rút tiền 02/3/2021 ông D phải có trách nhiệm rút khoản tiền này về chia đôi mỗi người một nửa, bà Đ được chia 100.000.000 đồng, ông D được chia 100.000.000 đồng tiền gửi. Ngoài ra tiền lãi suất của số tiền 200.000.000 đồng đến ngày được rút 02/3/2021 là 12.000.000 đồng, bà Đ được chia 6.000.000 đồng, ông D được chia 6.000.000 đồng.

02 con bò, một con vàng nhạt, một con vàng thẫm, trị giá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), hiện ông D đang quản lý. Bà Đ ông D thỏa thuận, ông D được nuôi hai con bò (01 vàng nhạt, một vàng thẫm). Ông D phải trả tiền chênh lệch con bò cho bà Đ là 20.000.000 đồng, số tiền này ông D phải có trách nhiệm trả cho bà Đ vào đúng ngày 02/3/2021, từ số tiền gửi tiết kiệm mà ông D được chia.

**3.1. Bà Nguyễn Thị Đ được chia số tiền cụ thể như sau:**

- 100.000.000 đồng (tiền tiết kiệm) + 6.000.000 (tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng) + 20.000.000 đồng (tiền chênh lệch con bò bà Đ được chia) = **126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).**

3.2. Ông Đoàn Văn D được chia số tiền cụ thể như sau:

- 100.000.000 đồng (tiền gửi tiết kiệm) + 6.000.000 đồng (tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng) + 02 con bò (01 vàng nhạt, 01 vàng thẫm) trị giá 40.000.000 đồng = 146.000.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Ông D phải trả cho bà Đ số tiền 20.000.000 đồng tiền chênh lệch con bò do vậy số tiền ông D được chia là: 146.000.000 đồng – 20.000.000 đồng (tiền con bò bà Đ được chia) = **126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).**

- Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà Đ đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003482 ngày 24/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Bà Đ phải chịu 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông D phải chịu 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

*Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông D không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền trên thì ông D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468/BLDS năm 2015.*

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**5. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/9/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có lý do được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THA huyện ĐB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thanh Thủy**



**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**Nguyễn Thị Tâm**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thanh Thủy**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**Bạc Thị Kiên**



<b>HỘI THẨM NHÂN DÂN</b>	<b>HỘI ĐỒNG XÉT XỬ</b>	
	<b>THẨM PHÁN</b>	<b>HỘI THẨM NHÂN DÂN</b>
	<b>CHỦ TỌA PHIÊN TÒA</b>	

**Kim Khánh Tùng**

**Vũ Thị Thanh Thủy**

**Lò Văn Ôn**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THA huyện DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**







